NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

VIỆC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ NGUỒN TRONG GIỜ HỌC NGOẠI NGỮ

PHƯƠNG THỊ DUYÊN* - LÊ THỊ HƯƠNG GIANG**

TÓM TẮT: Đối với một số nhà nghiên cứu và giáo viên giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp, việc sử dụng ngôn ngữ nguồn được coi là phương pháp truyền thống và không cần thiết. Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng việc sử dụng ngôn ngữ nguồn có thể thúc đẩy khả năng nhận thức, kĩ năng giao tiếp và năng lực xã hội của người học trong lớp học ngoại ngữ. Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhằm tìm ra quan điểm của giáo viên về việc sử dụng ngôn ngữ nguồn cũng như những hoạt động cần sử dụng ngôn ngữ nguồn. Nghiên cứu đã phản ánh quan điểm của giáo viên đối với việc sử ngôn ngữ nguồn và những hoạt động ngôn ngữ nguồn có thể nên được kết hợp với ngôn ngữ nguồn trong giờ học ngoại ngữ.

TỪ KHÓA: Giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp; ngôn ngữ nguồn; Ngôn ngữ đích; Nhận thức của giáo viên.

NHẬN BÀI: 14/10/2022. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/12/2022

1. Đặt vấn đề

Trong các lớp học ngoại ngữ hiện nay, việc sử dụng ngôn ngữ nguồn (NNN) còn nhiều quan điểm trái chiều. Một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ đồng tình với quan điểm sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ (NN), tuy nhiên, nhiều học giả khác vẫn cho rằng việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ cần phải hạn chế trong các lớp học ngoại ngữ. Họ cho rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các lớp học này sẽ hạn chế khả năng phát triển ngôn ngữ đích (NNĐ) của người học, dẫn theo F.Chambers, 1991; Mitchell (1988) cho rằng việc học ngôn ngữ đích (NNĐ) phải tự nhiên như khi một đứa trẻ học ngôn ngữ *"sẽ học một cách tự nhiên chứ không phải học một cách có chủ đích"* (tr.28*)*. Theo Krashen (1982), những lập luận này nhấn mạnh sự tập trung vào việc người học cần được "đắm chìm" trong NNĐ và có nhiều cơ hội để tiếp xúc với NNĐ. Như vậy theo quan điểm của những người không đồng tình sử dụng ngôn ngữ nguồn (NNN) trong lớp học ngoại ngữ, NNĐ cần được sử dụng từ đầu đến cuối và không có sự xuất hiện của NNN trong lớp học ngoại ngữ. Harbord (1992) còn khẳng định rằng quan điểm sử dụng NNN là hình thức dạy không phù hợp, giáo viên giảng dạy ngoại ngữ sẽ không thể thuyết phục được người học và đồng nghiệp nếu họ không sử dụng NNĐ liên tục. Do đó, những người không ủng hộ sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ coi việc sử dụng toàn bộ NNĐ trong lớp học là cách duy nhất để dạy ngoại ngữ và quy ước "không sử dụng NNN" là bắt buộc. Trong một số trường hợp giáo dục song ngữ, có thể sử dụng xen kẽ cả hai ngôn ngữ như quan điểm của Jacobson's (1995), theo đó phương pháp tiếp cận sử dụng cả hai ngôn ngữ là cách tiếp cận khai thác được điểm mạnh của hai quan điểm.

Có thể thấy luôn tồn tại những quan điểm trái chiều trong việc sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ và không có phương pháp giảng dạy chính thức nào mà giáo viên phải làm theo. Bài viết tập trung tìm hiểu quan điểm của giáo viên về việc sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ, mục đích sử dụng NNN và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng NNN trong các lớp học tiếng Anh cho sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thông qua hình thức thực hiện khảo sát và phỏng vấn sâu các giảng viên tham gia giảng dạy tại trường để có những đề xuất cải thiện chất lượng dạy và học ngoại ngữ một cách hiệu quả.

2. Ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích

2.1. Ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích trong giảng dạy ngoại ngữ

Theo quan điểm của Cummins (2000), việc hạn chế sử dụng NNN được coi là đặc điểm quan trọng trong việc giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp, phù hợp với phương pháp dạy "trực tiếp" và "tự nhiên". Các lí thuyết của Krashen (1982) có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của việc giảng

* *TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: phuongduyen1975@gmail.com*

** *Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: gianglth@haui.edu.vn*

dạy ngôn ngữ giao tiếp, trong đó có đề xuất rằng việc thu nhận NNĐ diễn ra trong tiềm thức thông qua việc tiếp xúc với ngôn ngữ lời dẫn dễ hiểu, và việc người học tập trung vào ý nghĩa hơn là hình thức. Trên thực tế, mô hình tự nhiên tốt nhất cho việc học ngoại ngữ là cho người học được phát triển trong môi trường song ngữ và người học sử dụng các kĩ năng đã có trong một ngôn ngữ này để giúp họ áp dụng và học tập ngôn ngữ khác (Butzkamm và Caldwell, 2009).

Trái ngược với giả thuyết cho rằng việc sử dụng NNN tương đương với việc sử dụng NNĐ, trong một số quan điểm khác, NNN của người học đã được chứng minh có vai trò quan trọng trong việc nhận thức và giao tiếp xã hội diễn ra trong quá trình học tập. Cook (2001) lập luận rằng, việc giảng dạy nên kết hợp giữa NNN và NNĐ, theo đó người học hình thành một cách tự nhiên trong nhận thức của họ từ việc làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Với một số giáo viên giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp, việc sử dụng NNN của người học có thể gây cản trở trong quá trình học tập nhưng đôi khi lại là việc cần thiết (theo Macaro, 2009). Các nguyên tắc chung được khuyến nghị sử dụng khi giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp cũng không đưa ra được các chủ đề nên sử dụng NNN, chứng tỏ việc sử dụng NNN không phù hợp với đường hướng giao tiếp. Trong năm đặc điểm của giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp được đề xuất bởi Nunan (1991), đặc điểm đầu tiên là *"nhấn mạnh vào việc học giao tiếp thông qua tương tác bằng ngôn ngữ đích"* (tr.279); tuy nhiên, "nhấn mạnh" không đồng nghĩa với "duy nhất", và thực tế, việc sử dụng NNN có nguyên tắc sẽ cải thiện chất lượng và mục đích giao tiếp trong NNĐ (Macaro, 2005). Do đó, việc sử dụng NNN một cách có phương pháp và có nguyên tắc được coi là một hình thức giảng dạy được chấp nhận trong các khóa học và chương trình giảng dạy ngôn ngữ theo hướng tiếp cận giao tiếp. Đã có những nghiên cứu cho rằng việc sử dụng NNN đúng đắn được công nhận là có khả năng hỗ trợ và nâng cao chất lượng những hoạt động thực hành (McMillan và Turnbull, 2009) và phù hợp trong các chương trình giảng dạy giao tiếp ngoại ngữ và ngôn ngữ thứ hai (Butzkamm và Caldwell, (2009).

2.2. Những hoạt động sử dụng Ngôn ngữ nguồn của giáo viên

Với kinh nghiệm giảng dạy đồng thời với tư cách là người học ngôn ngữ khác có kinh nghiệm trong việc đào tạo, có hiểu biết những chính sách quan trọng và được tiếp xúc với những tư tưởng khác nhau từ đồng nghiệp và người quản lí, một số nhà giáo dục ngôn ngữ như Burden (2000) ủng hộ cách tiếp cận chỉ sử dụng NNĐ, tuy nhiên trước đó, trong sự nghiệp của mình, họ đã ghi nhận NNN như một công cụ có giá trị cho việc học NNĐ. Mục đích của việc sử dụng NNN được phân loại và tóm tắt bao gồm các nội dung sau:

- Thiết lập các mối quan hệ xã hội mang tính xây dựng;
- Truyền đạt các nội dung/ khái niệm phức tạp để đảm bảo người học có thể hiểu nội dung truyền tải và/ hoặc tiết kiệm thời gian (ví dụ như "giải thích ngữ pháp khó, đưa ra ý nghĩa của những từ chưa biết" cho nhóm người mới học);
- Duy trì sự kiểm soát đối với môi trường lớp học.

Các nhà nghiên cứu đã xác định được một cách tổng thể hoặc là một phần về tầm quan trọng của việc sử dụng NNN cho những hoạt động này trong những nghiên cứu về sau. Trong một nghiên cứu của Macaro's (1997), các giáo viên tham gia nghiên cứu đã nói rằng họ thường sử dụng NNN để xây dựng mối quan hệ với người học, giải thích những hiện tượng ngữ pháp khó và rèn luyện kỉ luật. Theo kết quả phỏng vấn của Mitchell (1988), các giáo viên cũng đề cập đến việc giải thích (ngữ pháp và ý nghĩa) và nêu các quy định, quy tắc trong lớp học là hai lí do phổ biến nhất để sử dụng NNN; ngoài ra họ còn thấy được tầm quan trọng trong việc cung cấp thông tin cơ bản và đưa ra các hướng dẫn về các hoạt động triển khai trong lớp học ngoại ngữ. Đồng tình với quan điểm của Mitchell (1988), Liu và các cộng sự (2004) cho rằng hoạt động giải thích ngữ pháp và từ vựng khó là lí do phổ biến nhất để sử dụng NNN. Qian (2009) đưa ra trong nghiên cứu rằng hai giáo viên dạy tiếng Anh tiểu học ở Bắc Kinh chuyển sang dùng NNN vì những lí do mà theo cô phân loại là "mục đích phương pháp luận" (ví dụ: hoạt động dịch, làm rõ, làm nổi bật, tăng hiệu quả) hoặc "giao tiếp xã giao" (ví dụ: hoạt động khen ngợi, khuyến khích, đưa quan điểm không đồng tình). Ba khía cạnh này của giao tiếp sư phạm gồm có thiết lập các mối quan hệ mang tính xây dựng, đảm bảo sự hiểu biết và duy trì môi trường kỉ luật được coi là cung cấp nền tảng và khung cho quá trình học tập của người

học trong lớp. Việc giáo viên sử dụng NNN để thiết lập mô hình này được coi là lẽ thường và không có gì đặc biệt. Hơn nữa, NNN rất cần thiết nhằm cung cấp "đường dẫn lí tưởng" để phục vụ giao tiếp bằng NNĐ và được thúc đẩy bởi nhu cầu giao tiếp thực tế.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng Ngôn ngữ nguồn và Ngôn ngữ đích trong lớp học ngoại ngữ

Trong thực tế, có thể kể đến các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng NNN và NNĐ như áp lực của các kì thi và sĩ số lớp, yếu tố được nhắc đến nhiều hơn cả là do trình độ ngoại ngữ của người học. Theo Mitchell (1988), *"tiêu chuẩn để sử dụng ngoại ngữ trong lớp học là cao hoặc quá cao so với các nhóm đối tượng đích vì "khả năng" về ngôn ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu"* (tr.28). Vấn đề này cũng được đề cập đến trong nghiên cứu của Liu và các cộng sự (2004), trong đó một số giáo viên còn nhắc đến sự thiếu tự tin vào trình độ ngoại ngữ của chính họ.

Meiring & Norman (2002) mô tả các yếu tố ngữ dụng học khác khiến giáo viên sử dụng NNN là "hiệu ứng an ủi" và "trấn an tâm lí" mà người học nhận được từ việc đó là họ có thể liên hệ việc học ngoại ngữ với tiếng mẹ đẻ quen thuộc. Việc loại bỏ hoàn toàn NNN trong lớp học ngoại ngữ và thay vào đó sử dụng NNĐ khiến người học cảm thấy bản thân họ "chìm đắm" trong một môi trường xa lạ, nơi họ cảm thấy "mất phương hướng và bất lực" - tình huống này đã được xác định là một trong hiện tượng có thể xảy ra trong lớp học ngoại ngữ, đặc biệt là đối với những người học có trình độ ngoại ngữ hạn chế theo những nghiên cứu của Kim, S.-Y. (2008).

3. Đánh giá việc sử dụng ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích trong giờ học tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

3.1. Nhận xét chung

Chương trình tiếng Anh học kết hợp tại Trường Đại học Công nghiệp theo định hướng nghề nghiệp được bắt đầu áp dụng từ năm 2015. Chương trình học được xây dựng dựa trên kết quả phân tích nhu cầu sử dụng tiếng Anh của người học, người sử dụng lao động, người lao động trong lĩnh vực chuyên ngành, giáo viên chuyên ngành và giáo viên chuyên ngành tiếng Anh, từ kết quả đó, nhà trường đã xây dựng 8 chương trình tiếng Anh theo định hướng nghiệp cho 8 khối ngành đào tạo tại trường. Đối tượng người học là sinh viên tại trường và thuộc khối ngành kĩ thuật - không chuyên ngoại ngữ. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ngoại ngữ, việc sử dụng NNN và NNĐ trong lớp học ngoại ngữ vốn là một trong những vấn đề được nêu lên nhiều lần trong những buổi sinh hoạt chuyên môn tại các tổ môn. Bài báo được viết nhằm mục đích phân tích quan điểm của giáo viên về việc sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ, mục đích sử dụng NNN và những yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo viên (GV) và sinh viên (SV) sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ.

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 64 giáo viên giảng dạy 8 chuyên ngành và thực hiện phỏng vấn chuyên sâu 16 GV (mỗi nhóm chuyên ngành chọn 2 GV ngẫu nhiên) giảng dạy 8 chuyên ngành về việc sử dụng NNN của GV và SV trong giờ học ngoại ngữ. Kết quả khảo sát và phỏng vấn được tóm tắt trong nội dung dưới đây như sau:

***Bảng 1**. Quan điểm của GV về việc sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ*

TT	Quan điểm của GV về việc sử dụng ngôn ngữ nguồn trong lớp học NN	SL	Tỉ lệ
1	Quan điểm tích cực về việc GV sử dụng NNN	45	*70%*
2	Quan điểm tiêu cực về việc GV sử dụng NNTN	15	*23%*
3	Không có nhận định cụ thể	4	*6%*
4	Quan điểm tích cực về việc SV sử dụng NNTN	21	*33%*
5	Quan điểm tiêu cực về việc SV sử dụng NNTN	37	*58%*
6	Không có nhận định cụ thể	6	*9%*

Bảng 1 thể hiện quan điểm của GV tham gia khảo sát về việc sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ. Trong đó, 70% GV thể hiện quan điểm tích cực về việc GV nên sử dụng kết hợp NNN trong giờ học NN, tuy nhiên chỉ có 33% GV đồng tình với quan điểm SV nên sử dụng NNN trong giờ học NN, 58% GV có không đồng tình việc sử dụng NNN của SV trong lớp học NN vì điều này có thể "*khiến lớp học NN mất đi động lực học tập và giao tiếp bằng NNĐ*". Trong 64 GV tham gia khảo sát có 15 GV (chiếm tỉ lệ 23%) có quan điểm tiêu cực về việc GV sử dụng kết hợp NNN trong giờ học NN vì theo họ "*giờ học NN, GV chỉ sử dụng duy nhất NNĐ nhằm tạo môi trường giao tiếp NNĐ tích cực cho người học*". Trong những GV tham gia khảo sát, có số ít GV không có quan điểm cụ thể về việc sử dụng NNN của GV và SV trong lớp học NN với tỉ lệ tương ứng là 6% và 9%.

3.2. Quan điểm ủng hộ việc sử dụng Ngôn ngữ nguồn trong lớp học ngoại ngữ

Theo kết quả khảo sát trong bảng số 2, khi được hỏi về lí do GV sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ, hầu hết tất cả các GV từ 8 nhóm giảng dạy các tiếng Anh chuyên ngành khác nhau cho rằng sử dụng ngôn ngữ này vào quá trình *hỗ trợ và đảm bảo giao tiếp giữa GV và người học* là *rất quan trọng và quan trọng*. Có thể dẫn chứng ở đây GV5, khi được phỏng vấn về lí do sử dụng NNN có trả lời rằng "*trong quá trình dạy học ngoại ngữ, tôi cần thường xuyên sử dụng tiếng Việt để thực hiện giao tiếp với người học trong quá trình giảng dạy để trợ giúp các em được tốt nhất*". Sự đồng tình này được thể hiện ở các GV số 1, 3 và 8. Khoảng 95% số GV tham gia khảo sát tin rằng NNN đóng vai trò *quan trọng và rất quan trọng* trong quá trình *hỗ trợ người học có trình độ ngoại ngữ thấp* cũng như phục vụ xây dựng mối quan hệ với người học. GV số 4 và số 5 khi được hỏi cùng trả lời rằng "*SV không chuyên thường có đầu vào thấp, trình độ ngôn ngữ còn hạn hẹp, do đó tôi cũng cần sử dụng NNN vào việc hướng dẫn các em học, triển khai hoạt động cũng như chia sẻ cách học để các em có thể hiểu bài hơn và làm các nhiệm vụ đúng chính xác hơn. Đó chính là một cách để chúng tôi thiết lập quan hệ gần gũi với người học để có thể hiểu được những khó khăn các em gặp phải trong quá trình học ngoại ngữ và có các biện pháp cải thiện tốt hơn nữa.*". Hơn ⅔ số GV tham gia khảo sát cho rằng NNN cần và rất quan trọng trong việc *dịch và đối chiếu giữa NNN và NNĐ*, điều này cũng được GV số 6 và số 15 nhấn mạnh trong phần phỏng vấn sâu "*Chúng tôi cần sử dụng NNN đôi khi để dịch lại các nội dung học, đối chiếu với tiếng Việt để các em hiểu bài kĩ hơn*". Về việc sử dụng NNN trong hoạt động hỗ trợ học từ vựng, 30/64 GV tham gia khảo sát cho rằng đây là hoạt động rất quan trọng và 15/64 GV cho rằng hoạt động hỗ trợ này quan trọng, số GV còn lại chọn *"khá quan trọng"* GV số 8 trả lời rằng "*hoạt động hỗ trợ SV học từ vựng nhiều lúc cũng cần sử dụng tiếng Việt để các em hiểu sâu hơn một số thuật ngữ liên quan nhiều đến các từ vựng chuyên ngành*". 76% GV tham gia khảo sát chọn phương án "*NNN cần cho việc xây dựng môi trường phát triển song ngữ tự nhiên*" là quan trọng và rất quan trọng trong giờ học học ngôn ngữ, 23% còn lại chọn phương án hoạt động này "khá quan trọng". NNN được sử dụng để "chia sẻ về kinh nghiệm học tập trước đây" vì quan điểm "chỉ sử dụng tiếng Anh" trong các tình huống này không còn phù hợp được ⅓ GV lựa chọn lần lượt là rất quan trọng, quan trọng và khá quan trọng. GV số 15 cho rằng *"quan điểm chỉ sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ duy nhất để nói về kinh nghiệm học trước đây là không phù hợp, đặc biệt với các SV yếu kém và SV không chuyên ngữ"*

***Bảng 2**. Quan điểm về những lí do cần sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ*

TT	Lí do cần sử dụng ngôn ngữ nguồn trong lớp học NN	Trung bình	Tổng	Không quan trọng (0 điểm)		Khá quan trọng (1 điểm)		Quan trọng (2 điểm)		Rất quan trọng (3 điểm)	
1	Hỗ trợ và đảm bảo giao tiếp giữa giáo viên và người học	**3.0**	190	0	*0%*	0	*0%*	2	*3%*	62	*97%*
2	Hỗ trợ người học trình độ ngoại ngữ thấp	**3.0**	190	0	*0%*	1	*2%*	3	*5%*	61	*95%*
3	Phục vụ xây dựng mối quan hệ với người học	**2.9**	188	0	*0%*	0	*0%*	4	*6%*	60	*94%*
4	Dịch và đối chiếu NNĐ với NNN	**2.6**	166	0	*0%*	9	*14%*	8	*13%*	47	*73%*
5	Hỗ trợ hoạt động học từ vựng	**2.2**	139	0	*0%*	19	*30%*	15	*23%*	30	*47%*
6	Xây dựng môi trường phát triển song ngữ tự nhiên để sử dụng NNN	**2.2**	142	0	*0%*	15	*23%*	20	*31%*	29	*45%*
7	Quan niệm "chỉ sử dụng tiếng Anh" không phù hợp để nói về kinh nghiệm học tập trước đây	**2.0**	129	0	*0%*	21	*33%*	21	*33%*	22	*34%*

Bảng 3 tóm tắt các hoạt động sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ tại trường. Khi chia sẻ về những hoạt động cần sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ, 94% GV tham gia khảo sát đánh giá việc sử dụng NNN để giải thích những hiện tượng ngữ pháp khó sẽ rất hiệu quả và hiệu quả. 14/16 giáo viên tham gia phỏng vấn đã làm rõ nguyên nhân họ muốn sử dụng NNN khi giải thích hiện tượng ngữ pháp khó do việc giải thích ngữ pháp cần đến "*siêu ngôn ngữ, nếu GV sử dụng NNĐ để giải thích sẽ khiến cho người học ở trình độ trung bình và thấp khó hiểu và không nắm chắc vấn đề*". Hoạt động giải nghĩa từ vựng khó hoặc chưa biết cũng được đa số GV(93%) đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả với mục đích "*giúp người học hiểu nghĩa và biết cách sử dụng từ ngữ không quen thuộc mà người học sẽ thường gặp trong môi trường làm việc chuyên ngành*", bên cạnh đó lí do được đa số GV đưa ra khi được phỏng vấn liên quan đến "*người học có hiểu biết chuyên ngành bằng NNĐ chưa sâu, do đó, việc giải thích từ vựng chuyên ngành bằng NNĐ sẽ gây khó khăn cho người học và thậm chí cả GV giảng dạy NNĐ*". Hoạt động hướng dẫn trên lớp được 99% GV tham gia khảo sát đánh giá rất hiệu quả và rất hiệu quả vì "*người học có thể nắm được rõ các bước thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV, và việc sử dụng NNN giúp người học không bị bối rối để hiểu được hoạt động các em cần thực hiện*". Các hoạt động còn lại bao gồm "hướng dẫn hiện tượng ngữ pháp dễ", "giao bài tập về nhà", "giải quyết vấn đề chung xảy ra trong lớp học", "nói chuyện với SV về những vấn đề chung", "giải quyết những vấn đề cá nhân của SV" và "giải quyết vấn đề nghiêm trọng liên quan đến kỉ luật" đều được trên 70% GV đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả. Họ chia sẻ rằng: "*người học cảm thấy thoải mái và cởi mở hơn khi được nhắc nhở hay nhận lời khuyên bằng NNN của GV, các em cũng dễ dàng chia sẻ bằng NNN hơn là NNĐ*", điều này "*rất quan trọng trong việc thiết lập mối quan hệ giữa GV và người học, góp phần tạo động lực học tập cho SV*".

***Bảng 3**. Những hoạt động cần sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ*

TT	Những hoạt động cần sử dụng ngôn ngữ nguồn trong lớp học NN	Trung bình	Tổng	Không hiệu quả (0 điểm)		Khá hiệu quả (1 điểm)		Hiệu quả (2 điểm)		Rất hiệu quả (3 điểm)	
1	Giải thích hiện tượng ngữ pháp khó	**2.6**	167	0	*0%*	4	*9%*	17	*38%*	43	*96%*
2	Giải thích nghĩa từ vựng khó/ chưa biết	**2.5**	163	0	*0%*	5	*11%*	19	*42%*	40	*89%*
3	Hướng dẫn hoạt động trên lớp	**2.6**	166	0	*0%*	1	*2%*	24	*53%*	39	*87%*
4	Giải thích hiện tượng ngữ pháp dễ	**2.5**	161	0	*0%*	4	*9%*	23	*51%*	37	*82%*
5	Giao bài tập về nhà	**2.5**	158	0	*0%*	3	*7%*	28	*62%*	33	*73%*
6	Giải quyết vấn đề chung xảy ra trong lớp học (VD: SV làm việc riêng, SV không thực hiện hoạt động….)	**2.3**	147	0	*0%*	12	*27%*	21	*47%*	31	*69%*
7	Nói chuyện với SV về những vấn đề chung (VD: Thông báo nghỉ lễ, học bù….)	**2.3**	144	0	*0%*	14	*39%*	20	*44%*	30	*83%*
8	Giải quyết những vấn đề cá nhân của SV (VD: Yêu cầu SV giải thích lí do đến lớp muộn, hỏi SV về vấn đề sức khoẻ….)	**2.2**	141	0	*0%*	16	*36%*	19	*42%*	29	*64%*
9	Giải quyết vấn đề nhiêm trọng liên quan đến kỉ luật (VD: xung đột giữa người học….)	**2.2**	138	0	*0%*	19	*42%*	16	*36%*	29	*64%*

3.2. Quan điểm không ủng hộ việc sử dụng Ngôn ngữ nguồn trong lớp học ngoại ngữ

Việc sử dụng NNN trong giờ học ngoại ngữ được cho là cần thiết, tuy nhiên GV tham gia khảo sát cũng thể hiện quan điểm GV dạy NN không nên lạm dụng việc sử dụng NNN vì một số lí do sau. Nếu trong môi trường học là SV nước ngoài, việc giáo viên sử dụng NNN có thể gây nên xung đột về nghĩa và 81% GV tham gia khảo sát đồng nhất với quan điểm này. 72% GV đánh giá việc sử dụng NNN có thể ảnh hưởng đến môi trường học tập ngôn ngữ vì "*người học ít có cơ hội tiếp cận NNĐ khiến việc học ngôn ngữ thiếu môi trường giao tiếp và phát triển NNĐ*". Bên cạnh đó, 75% GV đánh giá việc người học bắt chước giáo viên và lạm dụng NNN trong giờ học NN là một trong những lí do khá quan trọng và gây ảnh hưởng đến môi trường học tập ngôn ngữ, "*nếu người học nghe quá nhiều NNN trong giờ học ngoại ngữ, các em sẽ có thói quen tư duy bằng NNN và sản sinh ra NNN sau đó dịch sang NNĐ, điều đó làm hạn chế khả năng tư duy bằng NNĐ của người học và làm chậm quá trình giao tiếp của SV bằng NNĐ*". Những lí do tiếp theo bao gồm "SV không muốn GV sử dụng NNN", "GV không khuyến khích được người học sử dụng NNĐ trong lớp học NN", "Sử dụng NNN trong lớp học NN không phù hợp với SV trình độ đại học", "Quy định chỉ sử dụng NNĐ trong lớp học NN của nhà trường/ khoa/ tổ môn" và "NNN chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp" cũng được đa số GV tham gia khảo sát đánh giá rất quan trọng. 5/16 giáo viên tham gia phỏng vấn đã chia sẻ

rằng "*nhóm môn học tôi tham gia giảng dạy quy định không sử dụng NNN trong lớp học NN*" và GV đưa ra "*quy định không sử dụng NNN trong giờ học NN*". Kết quả này thể hiện có rất nhiều lí do khiến GV không nên lạm dụng NNN trong lớp học NN và chịu tác động từ các yếu tố chủ quan (bản thân GV) và khách quan (người học, tổ môn, nhà trường).

Bảng 4. *Những lí do GV không sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ*

TT	Lí do GV không sử dụng ngôn ngữ nguồn trong lớp học NN	Trung bình	Tổng	Không quan trọng (0 điểm)		Khá quan trọng (1 điểm)		Quan trọng (2 điểm)		Rất quan trọng (3 điểm)	
1	Xảy ra xung đột về nghĩa nếu người học chỉ sử dụng NN	**2.1**	137	0	*0%*	12	*19%*	31	*48%*	21	*33%*
2	Ảnh hưởng đến môi trường học tập ngôn ngữ	**2.0**	129	0	*0%*	18	*28%*	27	*42%*	19	*30%*
3	SV học theo và lạm dụng việc sử dụng NNN trong lớp học NN	**1.5**	94	0	*0%*	41	*64%*	16	*25%*	7	*11%*
4	SV không muốn GV sử dụng NNN	**1.4**	89	0	*0%*	45	*70%*	13	*20%*	6	*9%*
5	GV không khuyến khích được người học sử dụng NNĐ trong lớp học NN	**1.3**	86	0	*0%*	47	*73%*	12	*19%*	5	*8%*
6	Sử dụng NNN trong lớp học NN không phù hợp với SV trình độ đại học	**1.3**	85	0	*0%*	48	*75%*	11	*17%*	5	*8%*
7	Quy định chỉ sử dụng NNĐ trong lớp học NN của nhà trường/ khoa/ tổ môn	**1.3**	85	0	*0%*	46	*72%*	15	*23%*	3	*5%*
8	NNN chỉ sử dụng trong trường hợp khẩn cấp	**1.2**	78	0	*0%*	51	*80%*	12	*19%*	1	*2%*

GV tham gia khảo sát đã đưa ra một số lí do của việc hạn chế người học sử dụng NNN trong lớp học NN (Bảng 5), trong đó 95% GV đánh giá lí do "SV chỉ sử dụng NNN trong trường hợp khẩn cấp" là quan trọng nhất do "*việc sử dụng NNN trong trường hợp khẩn cấp là cực kì cần thiết và không xảy ra sự cố hiểu nhầm hay khó diễn đạt nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực tới việc đưa ra giải pháp kịp thời cho tình huống khẩn cấp đó*". 85% GV đồng tình với quan điểm việc lạm dụng NNN khiến người học lười tiếp cận và sản sinh NNĐ, điều này khiến "*người học không có môi trường phát triển NNĐ*" và "*khó đạt được mục tiêu môn học*" dẫn tới lí do tiếp theo được đa số GV (67%) lựa chọn là quan trọng và rất quan trọng liên quan tới quan điểm "SV chỉ nên nói và suy nghĩ bằng NN". Những lí do tiếp theo bao gồm; "SV chỉ sử dụng NNN gây nên môi trường thiếu động lực trong lớp học NN", "Việc sử dụng NNN có khả năng "lây lan" đến SV khác", "Hướng tới trải nghiệm "đắm chìm" trong NNĐ", và "Sử dụng NNN trong lớp học NN không phù hợp với SV trình độ đại học" đều được toàn bộ GV đánh giá là có ảnh hưởng khá quan trọng/ quan trọng/ rất quan trọng đến việc sử dụng NNN quá nhiều trong giờ học NN.

Bảng 5. *Những lí do SV không sử dụng NNN trong lớp học ngoại ngữ*

TT	Lí do SV không sử dụng ngôn ngữ nguồn trong lớp học NN	Trung bình	Tổng	Không quan trọng (0 điểm)		Khá quan trọng (1 điểm)		Quan trọng (2 điểm)		Rất quan trọng (3 điểm)	
1	SV chỉ sử dụng NNN trong trường hợp khẩn cấp	**2.9**	184	0	*0%*	3	*5%*	2	*3%*	59	*92%*
2	Người học lười tiếp cận và sản sinh NNĐ	**2.2**	141	0	*0%*	10	*16%*	31	*48%*	23	*36%*
3	SV chỉ nên nói và suy nghĩ bằng NN	**1.9**	123	0	*0%*	21	*33%*	27	*42%*	16	*25%*
4	SV chỉ sử dụng NNN gây nên môi trường thiếu động lực trong lớp học NN	**1.7**	107	0	*0%*	32	*50%*	21	*33%*	11	*17%*
5	Việc sử dụng NNN có khả năng "lây lan" đến SV khác	**1.5**	95	0	*0%*	42	*66%*	13	*20%*	9	*14%*
6	Hướng tới trải nghiệm "đắm chìm" trong NNĐ	**1.4**	90	0	*0%*	45	*70%*	12	*19%*	7	*11%*
7	Sử dụng NNN trong lớp học NN không phù hợp với SV trình độ đại học	**1.4**	89	0	*0%*	46	*72%*	11	*17%*	7	*11%*

3.3. Thảo luận và đề xuất

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy sự đồng nhất của nhiều GV tham gia khảo sát, họ đồng tình với quan điểm tiếng mẹ đẻ không nên bị loại bỏ hoàn toàn khỏi lớp học NN, việc sử dụng kết

hợp NNN trong giờ học NN có những đóng góp tích cực tới hoạt động dạy và học, và duy trì quan hệ giao tiếp giữa người dạy và người học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy GV cần sử dụng NNN trong một số hoạt động cụ thể như:

- Giải thích hiện tượng ngữ pháp; để giải thích các hiện tượng ngữ pháp, GV cần sử dụng đến những siêu ngôn ngữ để làm rõ vấn đề, việc sử dụng những ngôn ngữ này bằng tiếng nước ngoài sẽ gây khó khăn với người học.

- Giải thích nghĩa của các từ chuyên ngành, các danh từ trừu tượng, các kĩ năng liên quan đến nghề nghiệp đôi khi khá mơ hồ. Một ví dụ cụ thể như từ mới "integrity" có nghĩa trong tiếng Việt là "tính toàn vẹn", để giải thích được nghĩa của từ đòi hỏi người học có một vốn từ vựng khá và tốt để có thể hiểu lời diễn giải ý nghĩa từ vựng đó. Bên cạnh đó, nếu một bài học có nhiều từ tương tự như trên, hoạt động giải thích từ vựng sẽ chiếm nhiều thời gian của bài học và gây cản trở đến các hoạt động khác. Vậy trong trường hợp này, việc sử dụng NNN để giải nghĩa từ vựng là phương pháp sư phạm phù hợp và hạn chế bớt khả năng người học hiểu sai nghĩa của từ vựng.

- Hướng dẫn hoạt động trên lớp: Các hoạt động trên lớp được tiến hành với nhiều mô hình khác nhau như làm việc nhóm, làm việc theo cặp, làm việc dự án, thiết kế mẫu quảng cáo, thuyết trình luân phiên, v.v. Nhằm giúp người học hiểu rõ nhiệm vụ và thực hiện chính xác yêu cầu của GV, GV có thể sử dụng NNN kết hợp trong quá trình đưa ra lời hướng dẫn và mẫu thực hiện hoạt động.

- Giải quyết những vấn đề trong lớp học: Trong một lớp học với vài chục người học, việc xảy ra những sự cố hoặc tình huống ngoài mong đợi là điều khó tránh khỏi. Trong những tình huống đó, GV và người học cần có sự trao đổi với nhau để giải quyết vấn đề kịp thời. Người học nên được sử dụng NNN để có thể giải thích rõ ràng với GV, bên cạnh đó GV cũng cần sử dụng NNN nhằm hỗ trợ hay đưa ra quyết định phù hợp, tránh việc người học khó hiểu hoặc hiểu nhầm nội dung và ý nghĩa cuộc nói chuyện.

- Dạy người học có trình độ ngoại ngữ thấp: Đối với những lớp học NN dành cho người học thuộc khối ngành kĩ thuật không chuyên ngữ, khi trình độ người học chưa đáp ứng tiêu chuẩn về mặt ngoại ngữ, GV hoàn toàn nên áp dụng giảng dạy song ngữ (bao gồm tiếng mẹ đẻ) nhằm nâng cao tính hiệu quả của lớp học.

Bên cạnh sự ủng hộ về việc sử dụng kết hợp NNN trong giờ học NN, kết quả nghiên cứu còn cho thấy GV tham gia giảng dạy NN không lạm dụng sử dụng NNN trong giờ học NN, việc sử dụng NNN quá nhiều có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới người học, khiến họ có thói quen sử dụng và tư duy bằng NNN thay vì NNĐ làm hạn chế môi trường giao tiếp, hạn chế việc sử dụng và tư duy bằng NNĐ. Theo kết quả phân tích, GV được kì vọng chỉ sử dụng NNN trong những trường hợp nêu trên và người học cũng được kì vọng chỉ sử dụng NNN trong trường hợp cần thiết, như:

- Khi họ gặp tình huống khẩn cấp hoặc ngoài mong đợi, họ không thể hoặc gặp nhiều khó khăn để diễn đạt bằng NNĐ.

- Khi họ trình bày cách sử dụng hiện tượng ngữ pháp, ý nghĩa từ vựng khó, trình bày lần đầu một nội dung bất kì và chưa có sự chuẩn bị trước về NNĐ phù hợp.

Người học được khuyến khích sử dụng càng nhiều NNĐ trong giờ học càng tốt và áp dụng trong hội thoại với cả giáo viên và các bạn học. Việc tích cực sử dụng NNĐ trong giờ học NN của người học sẽ tạo môi trường giao tiếp ngôn ngữ hiệu quả và xây dựng thói quen tốt về việc sử dụng và tư duy bằng NNĐ trong giờ học.

4. Kết luận

Việc sử dụng toàn bộ NNĐ hay sử dụng kết hợp NNN với NNĐ trong giờ học ngoại ngữ vẫn luôn là vấn đề tranh cãi của các nhà nghiên cứu và người làm giáo dục. Nhìn chung, để đạt được hiệu quả trong giờ học NN, GV được khuyến khích sử dụng NNN trong những tình huống cần thiết, cả người dạy và người học được khuyến nghị không lạm dụng việc sử dụng NNN trong giờ học NN để tạo môi trường học tập có động lực. Trong giờ học NN, GV đóng vai trò quyết định để lựa chọn NNN trong tình huống nào, tỉ lệ sử dụng NNN phù hợp với nhóm đối tượng người học nào và đưa ra quy định về việc sử dụng NNN đối với người học. Khi thực hiện được đúng những quy tắc sử dụng NNN trong giờ học NN, GV có thể tự tin tạo môi trường học ngôn ngữ tích cực và hiệu quả cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Burden, P., (2000), The use of the students' mother tongue in monolingual English "conversation" classes at Japanese universities. *The Language Teacher* 24 (6), pp.1-5.
2. Cook, V. (2001), Using the first language in the classroom. *Canadian modern language review*, 57(3), pp.402-423.
3. Cummins, J. (2000), Immersion education for the millennium: What we have learned from 30 years of research on second language immersion. *Retrieved April*, *16*, 2006.
4. Jacobson, R., & Faltis, C. (1995), Allocating two languages as a key feature of a bilingual methodology. *Policy and Practice in Bilingual Education: Extending the foundations*, pp.166-175.
5. Kim, S. Y. (2008), Five years of teaching English through English: Responses from teachers and prospects for learners. *ENGLISH TEACHING (영어교육)*, 63(1), pp.51-70.
6. Krashen, S. (1982). Principles and practice in second language acquisition.
7. Liu, D., AHN, G. S., BAEK, K. S., & HAN, N. O. (2004), South Korean high school English teachers' code switching: Questions and challenges in the drive for maximal use of English in teaching. *Tesol Quarterly*, *38*(4), pp.605-638.
8. Macaro, E. (1997), *Target language, collaborative learning and autonomy* (Vol. 5). Multilingual Matters.
9. Macaro, E. (2005), Codeswitching in the L2 classroom: A communication and learning strategy. In *Non-native language teachers* (pp.63-84). Springer, Boston, MA.
10. Macaro, E. (2009), Teacher use of codeswitching in the second language classroom: Exploring 'optimal' use. In *First language use in second and foreign language learning* (pp.35-49). Multilingual Matters.
11. McMillan, B., & Turnbull, M. (2009), Teachers' use of the first language in French immersion: Revisiting a core principle. In *First language use in second and foreign language learning* (pp.15-34). Multilingual Matters.
12. Meiring, L., & Norman, N. (2002), Back on target: Repositioning the status of target language in MFL teaching and learning. *Language Learning Journal*, 26(1), pp.27-35.
13. Mitchell, R. (1988), *Communicative Language Teaching in Practice*.
14. Nunan, D. (1991), Communicative tasks and the language curriculum. *TESOL quarterly*, *25*(2), pp.279-295.
15. Qian, X. F. (2009), Codeswitching in teacher talk of primary English teachers in China. In B. Beaven (ed.), IATEFL 2008: Exeter conference selections. Canterbury: IATEFL, pp.101-102.

The usage of first language in foreign-language classrooms

Abstract: According to some educators and researchers who advocates communicative language teaching, using the first language in foreign language classes (L1) is traditional and unnecessary. However, the usage of L1, as shown in many recent studies, motivates learner's cognitive, communicative and social ability in the foreign language classrooms. The current research was conducted in Hanoi University of Industry to put a light to teachers' perceptions on the usage of L1 and activities whose L1 usage is recommended in foreign language classes.

Key words: Communicative language teaching; First language; Target language; Teachers' perceptions.